

QUY ĐỊNH

Về thu lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Lệ phí đăng ký cư trú

a) Lệ phí đăng ký cư trú là khoản thu đối với người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú là cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú.

2. Lệ phí chứng minh nhân dân

a) Lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu đối với người được cơ quan Công an cấp đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân;

b) Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên được cơ quan Công an cấp đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân phải nộp lệ phí.

Điều 2. Đối tượng không thu

1. Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo.

2. Không thu lệ phí chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

Điều 3. Đối tượng miễn

1. Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú trong trường hợp:

a) Cấp mới sổ tạm trú;

b) Cấp mới sổ hộ khẩu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Trước đây do chưa được cấp sổ hộ khẩu do không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đã đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu, nay được cấp sổ hộ khẩu mới theo quy định của Luật cư trú;

- Chuyển nơi đăng ký thường trú ra ngoài phạm vi huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; ra ngoài xã, phường, thị trấn của huyện thuộc tỉnh và được cấp sổ hộ khẩu mới, trừ trường hợp chuyển cả hộ gia đình;

- Tách sổ hộ khẩu.

2. Miễn thu lệ phí chứng minh nhân dân trong trường hợp cấp mới hoặc cấp đổi chứng minh nhân dân do chứng minh nhân dân hết thời hạn sử dụng (quá 15 năm kể từ ngày cấp).

Chương II **MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU LỆ PHÍ**

Điều 4. Mức thu

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí đăng ký cư trú		
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần đăng ký	5.000
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp	7.500
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	4.000
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	đồng/lần đính chính	2.500
II	Lệ phí chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền chụp ảnh của người được cấp)		
	Cấp lại, cấp đổi	đồng/lần cấp	3.000

Điều 5. Chứng từ thu lệ phí

Đơn vị thu lệ phí phải sử dụng biên lai thu lệ phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí; nghiêm cấm việc thu lệ phí không sử dụng biên lai hoặc biên lai không đúng quy định.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền lệ phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền lệ phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, số tiền lệ phí thu được trích 100% trên tổng số tiền thu lệ phí cho đơn vị tổ chức thu lệ phí.

Điều 7. Chế độ tài chính kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu lệ phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền lệ phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu lệ phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại lệ phí; trường hợp thu các loại lệ phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại lệ phí.

4. Đối với tiền lệ phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền lệ phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu lệ phí tại nơi thu lệ phí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu lệ phí theo quy định.

Điều 9. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu lệ phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu lệ phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền lệ phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền lệ phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu lệ phí theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh; theo dõi mức thu lệ phí, tỷ lệ nộp ngân sách; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương